

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái và bà Cù Thị Ngọc Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim D trình bày: Hôn nhân của anh chị là do vợ chồng tự tìm hiểu tình cảm và được cha mẹ hai bên đồng ý nên dẫn đến kết hôn vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2005 ngày 30/5/2005 tại UBND xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh T có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mai Tiên, sinh ngày 22/01/2000 và Nguyễn Thị Mai Hương, sinh ngày 19/9/2005. Hiện các con đã trưởng thành và lao động được nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Thành T đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Chị Lê Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Lê Thị Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Thành T; về con chung: có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mai Tiên, sinh ngày 22/01/2000 và Nguyễn Thị Mai Hương, sinh ngày 19/9/2005. Hiện các con đã trưởng thành và lao động được và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Kim D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Thạnh 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân

Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, chị Lê Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh T.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim D và anh Nguyễn Thành T kết hôn với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc và anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 2/2022 cho đến nay. Từ khi anh chị sống ly thân nhau anh chị cũng không có thiện chí khắc phục những mâu thuẫn gia đình để vợ chồng đoàn tụ và kể từ ngày chị D nộp đơn xin ly hôn với anh T cho đến nay, anh T đã cố tình né tránh không đến tòa án để tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét, cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

[2] Về con chung: Chị D và anh T có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mai Tiên, sinh ngày 22/01/2000 và Nguyễn Thị Mai Hương, sinh ngày 19/9/2005. Hiện các con đã trưởng thành và lao động được nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị D khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T vắng mặt nên HĐXX không xem xét về tài sản chung của anh chị. Nếu anh T chứng minh được vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung thì anh có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Kim D phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim D.

1. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. *Về con chung*: Chị D và anh T có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mai Tiên, sinh ngày 22/01/2000 và Nguyễn Thị Mai Hương, sinh ngày 19/9/2005. Hiện các con đã trưởng thành và lao động được.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị Kim D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số: 0008124 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan